TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST Ngày 21-6-2018 V/v tranh chấp xin ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Mẫn.

-Các hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Kim Loan.

Bà Võ Thị Ngọc Nga.

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử: 30/2018/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 6 năm 2018; giữa:

Nguyên đơn: Chị **La Thị Ngọc Th**, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Khu A, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn G**, sinh năm 1969 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu B, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị La Thị Ngọc Th trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn G kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang vào ngày 13-9-2006. Sau khi kết hôn, chị và anh G chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh G thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hai bên cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xin ly hôn với anh Huỳnh Văn G.

Con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Khánh N, sinh ngày 06-9-2006. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh G trực tiếp nuôi cháu N chị cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng.

Về tài sản chung: tự thoả thuận.

Về nợ chung: không có.

* Bị đơn Huỳnh Văn G: Quá trình thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh G nhưng anh G không đến tham dự và cũng không gửi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th cho Toà án. Đến ngày 18-5-2018 anh G có đơn xin vắng mặt khi Toà án tiến hành xét xử vụ án.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:

Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th ly hôn với anh G, giao con Huỳnh Khánh N, sinh ngày 06-9-2006 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu N, ghi nhận chị Th tự nguyện cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng là 1.000.000 đồng, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Th và anh G kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, anh G có hộ khẩu thường trú tại khu B, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên chị Th khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp " Xin ly hôn".

[2] Tại phiên toà hôm nay, anh G không đến tham dự phiên toà, anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh G trong quá trình chung sống không hạnh phúc, chị và anh G thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần hàn gắn nhưng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; mục đích hôn nhân không đạt được. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh G không đến tham dự và anh cũng không gửi ý kiến của anh cho Toà án về việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh. Nay chị Th yêu cầu ly hôn với anh G, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh G là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Khánh N, sinh ngày 06-9-2006. Hiện cháu N đang sống với anh G, theo nguyện vọng của cháu Nam được tiếp tục sống với anh G, để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho cháu N, nghĩ nên chấp nhận giao cháu N cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: chị Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng là phù hợp Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Th.

[6] Về tài sản chung: Chị Th yêu cầu tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử chưa đặt ra giải quyết.

[7] Nợ chung: không có.

[8] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/201+6/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu ...án phí, lệ phí Tòa án .

*Về đề nghị của Viện kiểm sát: xét đề nghị của Kiểm sát viên là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm b Khoản 2 Điều 227,128 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th. Cho chị La Thị Ngọc Th ly hôn với anh Huỳnh Văn G.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Huỳnh Khánh N, sinh ngày 06-9-2006 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Th có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Th cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.000.000 (một triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng, khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

3.Về tài sản chung: tự thoả thuận.

4.Về nợ chung: không có.

5.Về án phí:áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị La Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19058 ngày 18-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Th đã thi hành xong án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn MP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Văn Mẫn